

Số: 40 /2026/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 28 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thẩm quyền phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định thẩm quyền phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định thẩm quyền phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí, dự kiến chi phí thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng, gồm:

a) Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hoá, dịch vụ;

b) Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng;

c) Thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với các nội dung quy định tại

khoản 2 Điều 1 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ).

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hoá, dịch vụ

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình có tổng dự toán kinh phí dưới 10 tỷ đồng/nhiệm vụ.

Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị dự toán trực thuộc có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 500 triệu đồng/nhiệm vụ trở lên đến dưới 10 tỷ đồng/nhiệm vụ.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hoá, dịch vụ của cơ quan, đơn vị có tổng dự toán kinh phí dưới 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của cấp xã có tổng dự toán kinh phí từ 500 triệu đồng/nhiệm vụ đến dưới 10 tỷ đồng/nhiệm vụ.

4. Trưởng các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hoá, dịch vụ có tổng dự toán kinh phí dưới 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 4. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình có tổng dự toán chi phí không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ.

Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị dự toán trực thuộc có tổng dự toán chi phí từ 500 triệu đồng/nhiệm vụ đến 20 tỷ đồng/nhiệm vụ.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị có tổng dự toán chi phí dưới 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý của cấp xã có tổng dự toán chi phí từ 500 triệu đồng/nhiệm vụ đến 20 tỷ đồng/nhiệm vụ.

4. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có tổng dự toán chi phí dưới 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 5. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt (hoặc được phân cấp, ủy quyền phê duyệt) sau khi có ý kiến của các cơ quan, đơn vị tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở các ngành, lĩnh vực có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc được cơ quan có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp

luật chuyên ngành có liên quan và văn bản phân cấp, ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định.
2. Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí, chi phí ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục và các nội dung khác được quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VII; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2026.
2. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực và đang thực hiện dở dang thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt.
3. Trường hợp sau ngày Quyết định này có hiệu lực phát sinh việc điều chỉnh chủ trương, dự kiến kinh phí, dự kiến chi phí, danh mục, quy mô, khối lượng, phạm vi thuê, thời gian thuê hoặc nguồn kinh phí thực hiện thì thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Quyết định này.
4. Đối với các nội dung không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB và TCTHPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hải Hòa